

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 26-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 677/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1987; có mặt.

Cư trú tại: Khu phố PH, phường GB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Khu phố HP, phường AH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng S, sinh năm 1982; có mặt.

Cư trú tại: Khu phố PH, phường GB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh S chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GB, huyện Trảng Bàng (nay là phường GB, thị xã Trảng Bàng). Sau khi cưới, vợ chồng chị về chung sống cùng nhà gia đình chồng tại ấp PH, xã GB (nay là khu phố PH, phường GB). Vợ chồng cùng làm công

nhân, kinh tế độc lập với gia đình chồng. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vấn đề kinh tế trong gia đình, anh S nhiều lần nợ tiền người khác, chị hết lòng khuyên can nhưng anh S vẫn không thay đổi nên vợ, chồng thường xuyên gây gỗ nhau. Tháng 8-2019, chị đưa hai con về nhà mẹ ruột sinh sống tại ấp HP, xã AH, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố HP, phường AH, thị xã Trảng Bàng), vợ chồng tự ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 28-7-2008 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 05-12-2017. Cháu Y và cháu Đ hiện đang cùng sống chung với chị, hai cháu rất khỏe mạnh và phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Y và cháu Đ, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Hoàng S trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Tuy nhiên, vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5-2019, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ, chồng bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình vì anh kinh doanh thất bại, kinh tế gia đình gặp khó khăn nhưng vợ, chồng không thể thông cảm cho nhau nên thường xuyên gây gỗ nhau. Tháng 8-2019, chị T đưa hai con về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng đã tự ly thân đến nay. Từ khi chị T về nhà mẹ ruột, anh vẫn thường xuyên đến thăm hai con và đặt vấn đề đoàn tụ cùng chị T nhưng chị T đều không đồng ý. Hiện tại anh vẫn chưa có giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng anh không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ cùng chị T vì các con của anh và chị T còn rất nhỏ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 28-7-2008 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 05-12-2017. Nếu Tòa án xét xử cho vợ chồng anh ly hôn, anh đồng ý để chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y và cháu Đ, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh T đối với anh Lê Hoàng S. Chị T được ly hôn anh S.

Về con chung: Giao chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 28-7-2008 và Lê Thành Đ, sinh ngày 05-12-2017. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh S không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh S chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường GB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống và mất lòng tin về vấn đề kinh tế của gia đình, không thể hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xuyên gây gổ nhau. Vợ chồng chị T, anh S đã tự ly thân từ tháng 8-2019 đến nay, chị T đã về nhà mẹ ruột sinh sống. Từ khi vợ chồng ly thân, anh S đã nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị T đều không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T vẫn không đồng ý đoàn tụ cùng anh S.

Tại phiên tòa, chị T xác định đã không còn tình cảm với anh S và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh S, cho thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị T và anh S đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S, cho chị T được ly hôn anh S là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về con chung:

Cháu Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 28-7-2008 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 05-12-2017 hiện đang theo sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y và cháu Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Y có nguyện vọng theo sống cùng chị T. Bên cạnh đó, anh S cũng đồng ý giao chị T tiếp tục nuôi

dưỡng cháu Y và cháu Đ. Do đó, Hội đồng xét xử giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y và cháu Đ là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh S không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh T đối với anh Lê Hoàng S.

Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn anh Lê Hoàng S.

2. Về con chung:

Giao chị Trần Thị Thanh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 28-7-2008 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 05-12-2017.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh S không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí:

Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017659 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường GB;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư